

3. 経常黒字、最高に

大蔵省がきのう発表した一九九三年度の

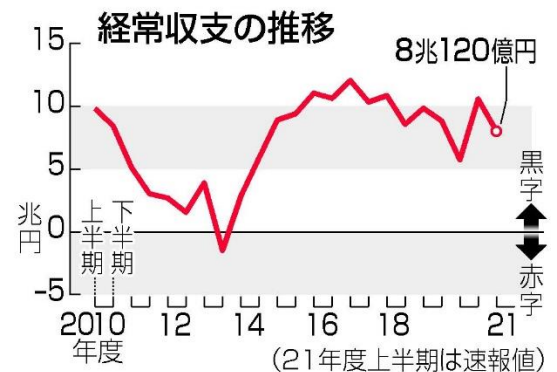
国際収支状況によると、経常収支の

黒字額は千三百億四千四百万ドルに達

し、年度としての最高記録を更新した。

貿易収支の黒字額が増えたのが最大の要因と見られるが、円表示では

経常黒字・貿易黒字とも前年度より減少しているという。



単語リスト：

経常(けいじょう) Bình thường
 黒字(くろじ) Lãi, thặng dư
 最高(さいこう) Cao nhất
 大蔵省(おおくらしょう) Bộ
 Tài chính
 発表した(はっぴょうした) Đã
 công bố
 国際収支(こくさいしゅうし)
 Cán cân thanh toán quốc tế
 状況(じょうきょう) Tình hình

経常収支(けいじょうしゅうし) Tài khoản vãng lai
 黒字額(くろじがく) Số tiền
 thặng dư
 億(おく) 100,000,000
 達し(たっし) Đạt được
 年度(ねんど) Năm tài khóa
 記録(きろく) Được ghi
 nhận, kỉ lục
 更新した(こうしんした)
 Đã đổi mới, cập nhật

貿易(ぼうえき) Ngoại thương,
 sự buôn bán với nước ngoài
 増えた(ふえた) Tăng lên
 最大の(さいだいの) Lớn nhất
 要因(よういん) Yếu tố
 円表示で(えんひょうじで)
 Trong giới hạn đồng Yên
 前年度(ぜんねんど) Năm tài
 khóa trước
 減少している(げんしょうして
 いる) Giảm xuống